

Ngày 20/9/2021, bà có tham gia góp 02 bát phường (02 phần họ) cho chủ phường (chủ họ) là bà Nguyễn Thị C số tiền 01 phần phường là 3.000.000 đồng mỗi tháng, tổng 02 phần họ là 6.000.000 đồng mỗi tháng. Bà đã tham gia góp 02 phần họ được 23 tháng, tổng số tiền mà bà đã góp phần họ cho bà Châu là 69.000.000 đồng. Đến lượt bà được lĩnh họ thì bà Châu đã không thanh toán phần họ cho bà lĩnh như đã thoả thuận. Bà Châu mới chỉ thanh toán được cho bà số tiền là 5.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần đến yêu cầu thanh toán nhưng bà Châu không trả. Đến nay bà Châu còn nợ bà số tiền phường (tiền góp họ) là 64.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà toàn bộ số tiền phường còn nợ nêu trên, không yêu cầu trả lãi và không đồng ý cho bà Châu trả dần.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà thừa nhận bà Phạm Thị T có tham gia đóng phường (góp phần họ) do bà là chủ họ từ ngày 20/9/2021 như bà Tiếng trình bày là đúng. Chồng bà đã chết từ năm 2016, trong gia đình chỉ có bà tham gia dây họ làm chủ họ, không liên quan đến ai. Tổng số thành viên của dây họ là 16 người. Số tiền phải góp cho 01 phần họ là 3.000.000 đồng mỗi tháng. Bà Tiếng đã tham gia góp 02 phần họ được 23 tháng, tổng số tiền bà Tiếng đã góp họ là 69.000.000 đồng. Theo thoả thuận của các thành viên trong dây họ về việc lĩnh họ thì ai muốn lĩnh họ phải báo trước để bà thu xếp giao phần họ cho người được lĩnh họ. Số tiền họ được lĩnh bao gồm: Tiền gốc được lĩnh = Số tiền 01 phần họ x số người tham gia dây họ = 3.000.000 đồng x 16 người và tiền lãi được lĩnh = 600.000 đồng/tháng x số tháng đã góp họ. Đến lượt bà Tiếng được lĩnh 01 phần họ, do công việc làm ăn kinh doanh bà cũng đưa tiền cho khách đến nay họ cũng chưa thu xếp trả cho bà nên bà không thanh toán phần họ cho bà Tiếng được. Vì vậy bà mới chỉ thanh toán được cho bà Tiếng số tiền lĩnh phần họ là 5.000.000 đồng. Đến nay bà còn nợ bà Tiếng số tiền góp họ là 64.000.000 đồng. Bà đề nghị được thanh toán trả dần cho bà Tiếng số tiền họ còn nợ trên. Do bận công việc không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa được, bà vẫn giữ nguyên quan điểm ý kiến như tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hoà giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà. Ngoài ra bà không còn ý kiến gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng, thẩm quyền: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền họ, nên xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thụ lý vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 117, Điều 163, Điều 166, Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, buộc bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ trả tiền nợ phường cho bà Phạm Thị T số tiền là 64.000.000 đồng. Bà Châu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về Phường (họ) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền phường còn nợ: Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị C đều thống nhất thừa nhận: Ngày 20/9/2021, bà Tiếng có tham gia góp 02 bát phường (02 phần họ) cho chủ phường (chủ họ) là bà Nguyễn Thị C, số tiền 01 bát phường (01 phần họ) là 3.000.000 đồng mỗi tháng, tổng 02 phần họ là 6.000.000 đồng mỗi tháng. Bà Tiếng đã tham gia góp 02 phần họ được 23 tháng, tổng số tiền mà bà đã góp phần họ cho bà Châu là 69.000.000 đồng. Bà Châu mới chỉ thanh toán được cho bà Tiếng số tiền phường là 5.000.000 đồng. Đến nay bà Châu còn nợ bà Tiếng số tiền phường (tiền góp họ) là 64.000.000 đồng. Bà Tiếng khởi kiện yêu cầu bà Châu phải thanh toán trả cho bà toàn số tiền nợ phường nêu trên và không yêu cầu tính lãi, bà Châu xin được trả dần số tiền nợ phường trên nhưng bà Tiếng không đồng ý. Hội đồng xét xử xét, yêu cầu khởi kiện của bà Tiếng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 15, 18 Nghị

định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường nên cần chấp nhận.

[3]. Về nghĩa vụ trả nợ phường: Căn cứ lời khai của bị đơn, Trích lục khai tử số 232/TLKT-BS ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Chính Mỹ, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng thì ông Trần Văn Nhân (chồng bà Châu) đã chết năm 2016; đến năm 2021 bà Châu mới tham gia dây phường và là chủ phường. Vì vậy, cá nhân bà Châu phải có nghĩa vụ trả cho Tiếng số tiền nợ phường nêu trên.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 163, Điều 166, Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 15, Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hui, họ, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T: Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho Phạm Thị T số tiền phường còn nợ là 64.000.000 (sáu mươi tư triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu **số tiền 3.200.000 đồng (đã làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm**. Trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí

đã nộp là **1.600.000** đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0008665 ngày 29/6/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT; hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nam Ninh